

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 640/QĐ-ĐHTB ngày 14 tháng 12 năm 2019  
của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình)

Tên chương trình:	Quản trị Kinh doanh
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Quản trị Kinh doanh; Mã ngành: 7340101
Tên tiếng Anh:	Business Administration
Chuyên ngành đào tạo:	Quản trị Kinh doanh tổng hợp
Hình thức đào tạo:	Chính quy

## I. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG

### 1. Mục tiêu

#### 1.1 Mục tiêu kiến thức:

**MT1:** Kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về văn hóa, chính trị, xã hội, pháp luật phù hợp với ngành học và yêu cầu phát triển đất nước, nâng cao khả năng đóng góp hữu hiệu của người học vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng.

**MT2:** Kiến thức chuyên ngành

- Cung cấp kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản trị kinh doanh như: marketing, quản trị nhân sự, quản trị sản xuất, quản trị chất lượng, quản trị chuỗi cung ứng, quản trị dự án đầu tư, quản trị bán hàng... và một số vấn đề cơ bản của quản lý doanh nghiệp như khởi tạo kinh doanh và tái lập doanh nghiệp, tài chính, kế toán, luật,...

- Cung cấp kiến thức về lý thuyết và khả năng vận dụng các công cụ phân tích để đánh giá hoạt động tài chính, ra quyết định liên quan đến tài chính của doanh nghiệp.

#### 1.2 Mục tiêu kỹ năng:

**MT3:** Kỹ năng chung

Trang bị những kỹ năng nhằm phát triển các năng lực cá nhân phù hợp với môi trường công việc kinh doanh, sáng tạo và năng động; thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm.

**MT4:** Kỹ năng chuyên ngành

- Có kỹ năng phân tích, thực nghiệm, phản biện và giải quyết vấn đề  
- Có kỹ năng lập kế hoạch và tư vấn chính sách kinh doanh  
- Có kỹ năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề trong cuộc sống, nghề nghiệp

### **1.3 Mục tiêu mức độ tự chịu trách nhiệm:**

**MT5:** Tư tưởng, chính trị

Có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có đạo đức, có trách nhiệm xã hội, có năng lực công tác và hoạch định phát triển bản thân.

**MT6:** Trách nhiệm và nghĩa vụ của người làm chuyên môn

Có năng lực dẫn dắt về những vấn đề liên quan đến ngành, chuyên ngành được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

## **2. Chuẩn đầu ra (theo quy định tại Thông tư 07/2015)**

### **2.1. Yêu cầu về kiến thức:**

*a. Kiến thức khoa học xã hội, chính trị, tư tưởng*

- Có kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật
- Hiểu và vận dụng được các kiến thức đại cương (toán, xác suất thống kê, công nghệ thông tin) vào việc tính toán, mô phỏng, phân tích, tổng hợp một số vấn đề kinh tế và quản trị kinh doanh

*b. Kiến thức cơ bản cơ sở ngành*

- Có phương pháp luận để giải quyết các vấn đề kinh tế, kinh doanh
- Có khả năng hiểu và hệ thống hóa kiến thức cơ bản về các lý thuyết kinh tế, quản lý

*c. Kiến thức tin học, ngoại ngữ*

- Đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
- Sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại, phần mềm chuyên dụng (Microsoft Office, SPSS, ERP, Email, EDI...) trong công việc đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

*d. Kiến thức liên ngành*

Có kiến thức tài chính và kế toán để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý

*e. Kiến thức thực tế về quản lý, nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình thực hiện trong phạm vi của ngành đào tạo*

- Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức.
- Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.
- Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để phân biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

*f. Kiến thức chuyên ngành*

- Có khả năng nhận dạng, phát hiện, phân tích, đánh giá, tổng hợp, tổ chức thực hiện để giải quyết vấn đề cụ thể trong sản xuất, kinh doanh.

*g. Kiến thức chuyên ngành*

- Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh; có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh; có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh; có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh.

*h. Kiến thức chuyên ngành*

- Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp  
 - Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống  
 - Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề  
 - Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

**2.2. Yêu cầu về kỹ năng**

2.2.1 Kỹ năng cứng

*a. Kỹ năng nhận thức*

- Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức  
 - Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng  
 - Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp  
 - Khả năng ứng dụng kiến thức để phản biện và xây dựng chiến lược kinh doanh  
 - Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

*b. Kỹ năng nghiên cứu*

Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới

*c. Kỹ năng vận dụng*

Có tư duy phê phán; quản trị bản thân và quản trị tổ chức; phát huy các kinh nghiệm trong phân tích và xử lý các tình huống quản trị kinh doanh

*d. Kỹ năng tổng hợp, phân tích đánh giá vấn đề*

Vận dụng các kiến thức vào thực tiễn hoạch định, tổ chức thực hiện chiến lược kinh doanh và điều hành các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp. Thực hiện các nghiệp vụ quản trị kinh doanh của doanh nghiệp một cách khoa học và hiệu quả. Có khả năng giải quyết các công việc đơn giản, thường xuyên xảy ra, có tính quy luật, dự báo được. Có khả năng khởi nghiệp, phát triển cơ hội kinh doanh.

*e. Kỹ năng học, tự học*

- Có ý thức tham gia vào các hoạt động rèn luyện sức khỏe, trí tuệ và tinh thần  
 - Có khả năng tự học hỏi và cập nhật kiến thức mới vào kinh doanh  
 - Có khả năng xây dựng mục tiêu cá nhân với sự phát triển nghề nghiệp

- Có khả năng vận dụng các phương pháp, các công cụ để tự nghiên cứu
- Có khả năng nắm bắt và vận dụng công nghệ mới đáp ứng mục tiêu nghề nghiệp

#### *f. Kỹ năng chuyên môn*

Áp dụng tư duy kinh tế, tư duy hệ thống, tư duy chiến lược trong giải quyết vấn đề hoặc ra quyết định.

#### *g. Kỹ năng chuyên môn*

Kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng tổ chức, phân giao công việc, kỹ năng lãnh đạo, kiểm soát tình hình thực hiện công việc.

### 2.2.2 Kỹ năng mềm

#### *a. Kỹ năng làm việc hiệu quả, khoa học*

- Có kỹ năng làm việc nhóm: Thành lập và khai thác các nhóm làm việc theo yêu cầu; Tổ chức và vận hành các hoạt động của nhóm; Phát triển nhóm làm việc theo yêu cầu; Lãnh đạo các nhóm làm việc; Liên kết và khai thác các nhóm làm việc khác nhau.

- Có kỹ năng nghiên cứu khoa học để nâng cao kiến thức phục vụ công tác.

#### *b. Kỹ năng trình bày, thuyết trình*

Có kỹ năng trình bày, thuyết trình và giao tiếp trong kinh doanh một cách có hiệu quả.

#### *c. Kỹ năng giao tiếp, ứng xử*

- Có khả năng thiết lập một cấu trúc giao tiếp hiệu quả với đối tác
- Có khả năng trình bày hiệu quả các vấn đề hay ý tưởng trước cộng đồng
- Có khả năng nghe với tư duy phản biện.
- Có khả năng giao tiếp bằng văn bản và giao tiếp đa phương tiện.

### 2.3. Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm

#### *a. Phẩm chất đạo đức, sức khỏe*

- Có sức khỏe tốt, sẵn sàng đương đầu với khó khăn, áp lực và chấp nhận rủi ro, kiên trì, linh hoạt, tự tin, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê có tinh thần tìm tòi và khám phá, tự chủ, chính trực, phản biện, sáng tạo.

#### *b. Động cơ thái độ làm việc*

- Chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước
- Có thái độ làm việc nghiêm túc, cầu tiến và sẵn sàng làm việc trong môi trường áp lực cao.

#### *c. Nhận thức ngành nghề, tác phong*

Có đạo đức nghề nghiệp, chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của tổ chức, hành vi và ứng xử chuyên nghiệp, thái độ tích cực trong công việc, có tinh thần hợp tác tốt với các đồng nghiệp trong quá trình làm việc, độc lập, chủ động, ...;

### 2.4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- *Cán bộ quản lý* trong các bộ phận sản xuất kinh doanh, tổ chức của doanh nghiệp (Tổ trưởng sản xuất, Quản đốc phân xưởng, trưởng bộ phận Marketing, tổ chức nhân sự,..) ở các tổ chức, đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh, tổ chức tài chính - ngân hàng. Sau một thời gian công tác, tùy theo quá trình phấn đấu có thể trở

thành Trưởng, phó phòng, Giám đốc điều hành, Giám đốc xí nghiệp, Trưởng đơn vị,..., Nhân viên trong các công ty tư vấn về các vấn đề quản trị, kinh doanh như: tư vấn bất động sản, tư vấn bảo hiểm, quản trị dự án đầu tư,...

- *Tham gia giảng dạy* các học phần quản trị kinh doanh trong các trường cao đẳng, trung cấp nghề, nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh hoặc có thể học tiếp lên trình độ cao hơn.

### **2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường**

- Tiếp tục học tập nâng cao kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành trong lĩnh vực kinh tế quản trị kinh doanh;

- Có đủ năng lực tiến hành nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh.

### **2.6 Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà khoa tham khảo:**

- Luật Giáo dục ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 19 tháng 11 năm 2018;

- Quyết định số 4286/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 6 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường đại học Thái Bình đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy

- Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục.

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/1/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Đối chiếu, so sánh, tham khảo và vận dụng chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của trường Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Thương Mại, Học viện Tài chính, Học viện Nông nghiệp Việt Nam,...

**2.7. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra**

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO						
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	
<b>Kiến thức</b>	<b>a</b>	x	x					
	<b>b</b>	x	x					
	<b>c</b>			x		x		
	<b>d</b>	x		x				
	<b>e</b>		x	x	x			
	<b>f</b>	x	x	x	x			
	<b>h</b>		x		x	x	x	
<b>Kỹ năng</b>	<b>Cứng</b>	<b>a</b>	x					
		<b>b</b>		x	x	x		
		<b>c</b>		x		x	x	
		<b>d</b>		x		x		x
		<b>e</b>		x		x		x
		<b>f</b>				x		x
	<b>Mềm</b>	<b>a</b>				x		x
		<b>b</b>				x		x
		<b>c</b>				x		
		<b>d</b>				x		
	<b>e</b>	x			x			
<b>Thái độ</b>	<b>a</b>					x	x	
	<b>b</b>	x				x	x	
	<b>c</b>					x	x	
<b>Cơ hội công việc</b>	<b>a</b>		x			x	x	
	<b>b</b>		x		x		x	

MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA																								
CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		CHUẨN ĐẦU RA																						
		Kiến thức								Kỹ năng									Thái độ			Vị trí CV		
										Cứng						Mềm								
		a	b	c	d	e	f	g	h	a	b	c	d	e	f	g	a	b	c	a	b	c	a	b
<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>																								
<b>1.1. Lý luận chính trị</b>																								
1	Triết học Mác-Lênin	x								x				x							x	x		
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x	x							x				x							x	x		
3	Chủ nghĩa XHKH	x								x				x							x	x		
4	Lịch sử Đảng CSVN	x								x				x							x	x		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x								x				x							x	x		
<b>1.2. Khoa học tự nhiên - Môi trường</b>																								
6	Toán cao cấp	x												x							x			
7	Lý thuyết xác suất thống kê	x	x											x							x			
8	Tin học đại cương	x		x										x							x			
9	Môi trường và con người	x												x							x			
<b>1.3. Khoa học xã hội</b>																								
10	Pháp luật đại cương	x												x							x			
11	Tâm lý học đại cương	x												x							x			
<b>Các môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)</b>																								
12	Soạn thảo văn bản									x				x							x			
13	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh			x						x				x			x	x	x		x			
<b>1.4. Ngoại ngữ</b>																								
14	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh CB1 hoặc Tiếng Nhật CB1)			x										x			x							

MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA																								
CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		CHUẨN ĐẦU RA																						
		Kiến thức								Kỹ năng									Thái độ			Vị trí CV		
										Cứng						Mềm								
		a	b	c	d	e	f	g	h	a	b	c	d	e	f	g	a	b	c	a	b	c	a	b
15	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Anh CB2 hoặc Tiếng Nhật CB2)			x										x				x						
<b>1.5. Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng</b>																								
16	Giáo dục thể chất 1													x							x			
17	Giáo dục thể chất 2													x							x			
18	Giáo dục thể chất 3													x							x			
19	Giáo dục quốc phòng													x							x			
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>																								
<b>2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành</b>																								
20	Kinh tế vi mô		x																					
21	Kinh tế vĩ mô		x																					
<b>2.2. Kiến thức cơ sở của ngành</b>																								
22	Marketing căn bản		x							x		x		x							x			x
23	Nguyên lý kế toán		x	x						x		x		x							x			
24	Kinh tế lượng			x										x							x			
25	Lý thuyết tài chính tiền tệ			x	x									x							x			
26	Nguyên lý thống kê		x											x							x			
27	Luật kinh tế			x										x							x			
28	Đạo đức KD và VHDN													x							x			x
29	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh														x						x			



MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA																								
CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		CHUẨN ĐẦU RA																						
		Kiến thức								Kỹ năng									Thái độ			Vị trí CV		
										Cứng						Mềm								
		a	b	c	d	e	f	g	h	a	b	c	d	e	f	g	a	b	c	a	b	c	a	b
<b>2.3. Kiến thức ngành, chuyên ngành QTKD</b>																								
30	Quản trị học					x	x	x	x					x		x	x			x			x	
31	Quản trị chiến lược					x	x	x	x					x		x	x			x			x	
32	Quản trị nhân sự					x	x	x	x					x		x	x			x			x	
33	Quản trị tài chính					x	x	x	x					x		x	x			x			x	
34	Quản trị sản xuất					x	x	x	x					x		x	x			x			x	
35	Quản trị Marketing					x	x	x	x					x		x	x			x			x	
36	Quản trị chất lượng					x	x	x	x					x		x	x			x			x	
37	Quản trị dự án đầu tư					x	x	x	x					x		x	x			x			x	
38	Thị trường chứng khoán			x		x	x	x	x					x		x	x			x				
39	Thống kê doanh nghiệp					x	x	x	x					x		x	x			x				
40	Kế toán tài chính			x		x	x	x	x					x		x	x			x				
41	Chuyên đề thực tế					x	x	x	x					x		x	x			x				
<b>Các môn tự chọn (Chọn 1 trong 3 môn)</b>																								
	Kinh tế quốc tế					x	x	x						x		x	x			x			x	
43	Quản trị thương hiệu					x	x	x						x		x	x			x			x	
44	Quản trị bán hàng					x	x	x						x		x	x			x			x	
<b>2.4. Kiến thức bổ trợ ngành</b>																								
45	Quản trị Khách sạn nhà hàng				x									x						x			x	
46	Kinh tế thương mại dịch vụ				x									x						x				
47	Toán kinh tế				x									x						x				

<b>MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA</b>																									
<b>CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>		<b>CHUẨN ĐẦU RA</b>																							
		<b>Kiến thức</b>								<b>Kỹ năng</b>									<b>Thái độ</b>			<b>Vị trí CV</b>			
										<b>Cứng</b>						<b>Mềm</b>									
		a	b	c	d	e	f	g	h	a	b	c	d	e	f	g	a	b	c	a	b	c	a	b	
48	Thuế Nhà nước				x									x							x				
49	Tin ứng dụng		x											x							x				
50	Ngoại ngữ CN (Tiếng Anh CN hoặc Tiếng Nhật CN)		x											x							x				
51	Phân tích hoạt động kinh doanh				x									x							x				
<b><i>Các môn tự chọn (Chọn 1 trong 3 môn)</i></b>																									
52	Tâm lý học quản lý				x									x							x				
53	Thương mại điện tử				x									x							x			x	
54	Hệ thống thông tin quản lý				x									x							x				
<b><i>3. Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp</i></b>																									
55	Thực tập cuối khóa								x						x						x				
56	Làm Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học một số học phần thay thế Khóa luận)								x						x						x				
<b><i>Học phần thay thế Khóa luận</i></b>																									
56a	Quản trị kinh doanh								x						x						x			x	
56b	Quản trị sản xuất nâng cao								x						x						x			x	
56c	Khởi sự Kinh doanh								x						x						x			x	

### 3. Thời gian đào tạo: 3-4 năm

### 4. Khối lượng kiến thức toàn khoá (Tính bằng tín chỉ)

STT	KHỐI KIẾN THỨC	Số Tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	35
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	80
	- Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành	25
	- Kiến thức ngành ( <i>Kể cả kiến thức chuyên ngành</i> )	34
	- Kiến thức bổ trợ	21
3	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	12
	Thực tập tốt nghiệp	5
	KLTN/ĐATN/Học phần thay thế KLTN/ĐATN	7
<b>Cộng</b>	<b>(Chưa bao gồm Giáo dục Quốc phòng – An ninh &amp; Giáo dục thể chất)</b>	<b>127</b>

### 5. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

### 6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

#### 6.1. Quy trình đào tạo

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Quy chế đào tạo thực hiện theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Quyết định số 337/QĐ – ĐHTB ngày 15 tháng 7 năm 2019 của trường Đại học Thái Bình ban hành “Quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Thái Bình”.

#### 6.2 Điều kiện tốt nghiệp

Theo qui định tại Điều 27 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điều 29 của Quyết định số 337/QĐ- ĐHTB ngày 15 tháng 7 năm 2019 của trường Đại học Thái Bình ban hành “Quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Thái Bình”;

### 7. Cách thức đánh giá

Áp dụng thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.

## 8. Nội dung chương trình

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
<b>1. Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>				
<b>1.1. Lý luận chính trị</b>				
1	Triết học Mác-Lênin	Trang bị cho sinh viên nội dung những kiến thức lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác-Lênin thông qua học phần Triết học Mác-Lênin: - Nắm được thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin. - Nắm được những khái niệm, nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật, của lý luận nhận thức duy vật biện chứng và những quy luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.	3(3,0,6)	
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện.	2(2,0,4)	
3	Chủ nghĩa XHKKH	Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về CNXHKKH- một trong ba bộ phận cấu thành CN Mác-Lênin; các căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối, chính sách xây dựng CNXH ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với thực tiễn xã hội, có niềm tin vững chắc vào con đường đi lên CNXH ở nước ta.	2(2,0,4)	
4	Lịch sử Đảng CSVN	Trang bị những kiến thức cơ bản về: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam; hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua Cương lĩnh, Nghị quyết... của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa - đặc biệt là đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới.	2(2,0,4)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
5	Tu tưởng Hồ Chí Minh	<p>- Điều kiện tiên quyết: NLCB của Chủ nghĩa Mác - Lênin.</p> <p>- Trang bị cho sinh viên nội dung những kiến thức lý luận cơ bản nhất của hệ thống tư tưởng HCM về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, về xây dựng ĐCS Việt Nam, xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân, về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về đạo đức, nhân văn và văn hoá,... Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng CSVN và các môn khoa học kinh tế cơ sở.</p>	2(2,0,4)	
<b>1.2. Khoa học tự nhiên - Môi trường</b>				
6	Toán cao cấp	<p>- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của Toán cao cấp để ứng dụng trong thực tiễn cuộc sống nghề nghiệp và học tập các học phần khác như các kiến thức cơ bản về phép tính tích phân và vi phân hàm một biến số; đại số tuyến tính như không gian véc tơ n chiều, định thức, ma trận, giải hệ phương trình tuyến tính; phương trình vi phân cấp 1,...</p> <p>- Trang bị cho sinh viên những kiến thức về hàm số hai biến, phép tính vi phân, tích phân của hàm hai biến; phương trình vi phân cấp 1 và 2; lý thuyết chuỗi: dấu hiệu hội tụ của chuỗi dương, chuỗi hàm, chuỗi lũy thừa.</p>	3(3,0,6)	
7	Lý thuyết xác suất thống kê	<p>- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp</p> <p>- Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản của lý thuyết XSTK về phép thử, biến cố, XS của biến cố, biến ngẫu nhiên và các tham số đặc trưng, các quy luật phân phối XS, biến ngẫu nhiên hai chiều, cơ sở lý thuyết mẫu, ước lượng điểm và khoảng, kiểm định giả thuyết thống kê, hồi quy và tương quan.</p>	3(3,0,6)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
8	Tin học đại cương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quan về hệ thống máy tính, hiệu chức năng của các thành phần trong hệ thống máy tính, phân loại được các HĐH,... Soạn thảo được văn bản thông thường, chương trình ứng dụng văn phòng (MS Word 2010, Power point 2010). Sinh viên biết vận dụng, khai thác và sử dụng máy tính, sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng trong quá trình học tập và làm việc.	3(2,1,5)	
9	Môi trường và con người	Trang bị những kiến thức cơ bản về môi trường, hệ sinh thái, tài nguyên, mối quan hệ tác động qua lại giữa môi trường và con người. Đặc biệt học phần nhấn mạnh vào vai trò của con người trong việc sử dụng tài nguyên để sinh sống và phát triển, đồng thời hoạt động của con người còn gây cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường. Con người có khả năng hạn chế dân số, sử dụng tài nguyên một cách hợp lý và bảo vệ môi trường để phát triển bền vững.	2(2,0,4)	
<b>1.3. Khoa học xã hội</b>				
10	Pháp luật đại cương	Cung cấp những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về tất cả những vấn đề của Nhà nước và pháp luật. Nội dung chủ yếu của học phần này gồm các vấn đề: nguồn gốc, bản chất, chức năng, bộ máy, hình thức của Nhà nước; Nhà nước trong hệ thống chính trị; Nhà nước pháp quyền; nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; ý thức pháp luật; pháp chế	2(2,0,4)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
11	Tâm lý học đại cương	<p>- Giúp người học nắm được những khái niệm cơ bản về tâm lý học đại cương và lý thuyết cơ bản của những học thuyết khác nhau nhằm giải thích đầy đủ các khái niệm tâm lý học. Thông qua việc tiếp nhận những tri thức tâm lý cũng như những lý giải khoa học về các hiện tượng tâm lý, người học sẽ nhận thức được Tâm lý học là một ngành khoa học có khả năng ứng dụng rộng rãi vào đời sống đặc biệt là trong hoạt động quản lý doanh nghiệp, quản trị nguồn nhân lực và trong giao tiếp xã hội.</p> <p>- Kiến thức trong học phần này sẽ là cơ sở nền tảng giúp sinh viên có thể tiếp thu các học phần sau bao gồm tâm lý quản lý</p>	2(2,0,4)	
<b>Các môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)</b>				
12	Soạn thảo văn bản	<p>- Cung cấp những kiến thức cơ bản về văn bản hành chính thông dụng và kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng trong những tình huống cụ thể.</p> <p>- Học phần được chia thành 2 phần: Phần lý thuyết tập trung giới thiệu một số nội dung cơ bản về văn bản hành chính thông dụng, kỹ năng soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng điển hình như: công văn, tờ trình, báo cáo, biên bản, thông báo, nội quy, quy chế, đề án, kế hoạch... Phần thực hành: trên cơ sở lý thuyết được giới thiệu, sinh viên vận dụng và soạn thảo văn bản hành chính thông dụng để giải quyết các tình huống cụ thể.</p>	2(2,0,4)	
13	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	<p>Học phần này cung cấp những lý luận cơ bản về các kỹ năng của con người, nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về những vấn đề phát sinh để từ đó hình thành được những kỹ năng cơ bản trong mỗi người. Khi vận dụng vào trong cuộc sống, trong công việc sinh viên có thể tự tin năng động sáng tạo và chủ động nhanh nhạy trong xử lý các vấn đề phát sinh. Tìm ra những nguyên tắc, những phương thức khoa học trong các cuộc giao tiếp, đàm phán, thương lượng để đạt mục tiêu đặt ra, đồng thời có những</p>	2(2,0,4)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		phương thức phối hợp hoạt động nhóm để đạt được hiệu quả cao.		
<b>1.4. Ngoại ngữ</b>				
<b>Học phần tự chọn</b>				
14	Tiếng Anh CB1	Sinh viên nắm được cách sử dụng động từ to be với động từ thường, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn, danh từ đếm được và danh từ không đếm được, đại từ chỉ định, trợ từ khuyết thiếu. Ngoài ra cần phải nắm vững cách sử dụng đại từ sở hữu, đại từ nhân xưng, trạng từ và tính từ và động từ nguyên thể. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc và viết cơ bản, nâng cao về mặt phát âm, ngữ điệu, trọng âm của từ, câu, ngữ pháp và từ vựng	3(3,0,6)	
	Tiếng Nhật CB1	- Kiến thức nhập môn về chữ viết, phát âm tiếng Nhật - Sử dụng cách nói lịch sự - Chương trình tiếng Nhật Cơ bản 1 trang bị cho sinh viên khoảng 250 từ vựng cơ bản mức độ sơ cấp gắn với những đề tài gần gũi, thiết thực trong cuộc sống, học tập và cung cấp cho sinh viên khoảng 30 mẫu ngữ pháp, 30 chữ Hán đơn giản.	3(3,0,6)	
15	Tiếng Anh CB2	- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh CB1 - Sinh viên nắm được cách sử dụng thì hiện tại tiếp diễn, tương có kế hoạch và thì hiện tại hoàn thành, cách sử dụng tính từ so sánh hơn, hơn nhất và cách sử dụng động từ chỉ mục đích, lượng từ... Ngoài ra cần phải nắm vững cách sử dụng đại từ sở hữu, trạng từ và tính từ và động từ nguyên thể chỉ mục đích. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc và viết cơ bản, nâng cao về mặt phát âm, ngữ điệu, trọng âm của từ, câu, ngữ pháp và từ vựng.	4(4,0,8)	
	Tiếng Nhật CB2	- Sử dụng cách nói lịch sự - Chương trình tiếng Nhật Cơ bản 1 trang bị cho sinh viên khoảng 300 từ vựng cơ bản mức độ sơ cấp gắn với những đề tài gần gũi, thiết thực trong cuộc sống học tập và cung cấp cho sinh viên khoảng 40 mẫu ngữ pháp, 40 chữ Hán đơn giản	4(4,0,8)	



STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
<b>1.5. Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng</b>				
16	Giáo dục thể chất 1	<p>- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức lý luận cơ bản về Lịch sử hình thành, phát triển của thể dục thể thao thế giới và Việt Nam; những khái niệm cơ bản về sức khỏe, thể chất và thể dục thể thao; vị trí, vai trò, ý nghĩa tác dụng của thể dục thể thao trong xã hội và trường học; các phương tiện, phương pháp, nguyên tắc tập luyện thể dục thể thao; kiến thức cơ bản về phòng ngừa chấn thương và sơ cứu; luật, trọng tài và tổ chức thi đấu các môn thể dục thể thao.</p> <p>- Trang bị Kiến thức, kỹ năng thực hành các môn thể dục, điền kinh, bơi lội..., phù hợp với đặc điểm và tính chất ngành nghề đào tạo; luật, trọng tài, phương pháp tổ chức thi đấu; phương pháp tự tập luyện và rèn luyện thể chất, sức khỏe.</p>	1(0,1,1)	
17	Giáo dục thể chất 2	<p>- Cung cấp cho sinh viên nguyên lý kỹ thuật các môn Điền kinh, kỹ thuật các môn chạy cự ly ngắn, cự ly trung bình và cự ly dài, các phương tiện, phương pháp, nguyên tắc tập luyện thể dục thể thao; kiến thức cơ bản về phòng ngừa chấn thương và sơ cứu; luật, trọng tài và tổ chức thi đấu các môn thể dục thể thao.</p> <p>- Trang bị Kiến thức, kỹ năng thực hành các môn điền kinh, phù hợp với đặc điểm và tính chất ngành nghề đào tạo; luật, trọng tài, phương pháp tổ chức thi đấu; phương pháp tự tập luyện và rèn luyện thể chất, sức khỏe.</p>	1(0,1,1)	
18	Giáo dục thể chất 3	<p>- Hướng dẫn cho sinh viên kỹ thuật môn Bóng chuyền, nguyên tắc tập luyện thể dục thể thao; kiến thức cơ bản về phòng ngừa chấn thương và sơ cứu; luật, trọng tài và tổ chức thi đấu các môn thể dục thể thao.</p> <p>- Trang bị Kiến thức, kỹ năng thực hành các môn điền kinh, phù hợp với đặc điểm và tính chất ngành nghề đào tạo; luật, trọng tài, phương pháp tổ chức thi đấu; phương pháp tự tập luyện và rèn luyện thể chất, sức khỏe.</p>	1(0,1,1)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
19	Giáo dục quốc phòng	<p>- Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p> <p>- Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân nhân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.</p>	8(5,3,13)	
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				
<b>2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành</b>				
20	Kinh tế vi mô	<p>- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CNMLN</p> <p>- Trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về kinh tế học vi mô xét trên góc độ phân tích thị trường và hành vi của người tiêu dùng, hành vi của doanh nghiệp tham gia trên các thị trường đầu vào và đầu ra. Xác định vai trò của Chính phủ trong việc điều tiết thị trường.</p> <p>- Người học biết dựa vào kiến thức cơ bản để phân tích, đánh giá hành vi ứng xử của người tiêu dùng trên thị trường. Phân tích đánh giá hoạt động của doanh nghiệp trong kinh doanh từ đó có những đóng góp, xây dựng các chính sách quản lý kinh tế vi mô cho chính phủ, nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp.</p> <p>- Biết phân tích và đánh giá về hành vi ứng xử của người tiêu dùng trên thị trường để có những chiến lược marketing mang lại hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp</p>	3(3,0,6)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
21	Kinh tế vĩ mô	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô</li> <li>- Mục tiêu chủ yếu của học phần này là giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô, giới thiệu các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản để giúp học viên hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các nguyên lý cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cũng như những nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô.</li> <li>- Việc xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta nghiên cứu trạng thái của nền kinh tế trong dài hạn, và cuối cùng là nghiên cứu kinh tế trong ngắn hạn.</li> </ul>	3(3,0,6)	
<b>2.2. Kiến thức cơ sở của ngành</b>				
22	Marketing căn bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô</li> <li>- Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý Marketing và sự vận dụng nó vào thực tiễn kinh doanh. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị hoạt động kinh doanh của các tổ chức kinh doanh hoạt động trong nền kinh tế thị trường. Những lý luận cơ bản về marketing truyền thống và marketing hiện đại, về thị trường và hành vi khách hàng để từ đó biết cách phân đoạn và lựa chọn thị trường mục tiêu, thực hiện các chương trình Marketing Mix có hiệu quả nhất.</li> <li>- Cung cấp cho sinh viên ngành kinh tế các kiến thức cơ bản về marketing trong điều kiện Việt Nam đang hội nhập sâu vào nền kinh tế của khu vực và thế giới.</li> <li>- Sau khi học xong, sinh viên có khả năng theo học các học phần khác như: Nghiên cứu marketing, quản trị marketing, quản trị chiến lược, quản trị bán hàng, quản trị thương hiệu, quảng cáo...</li> </ul>	3(3,0,6)	
23	Nguyên lý kế toán	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện tiên quyết: tài chính tiền tệ</li> <li>- Học phần trang bị những kiến thức nền tảng về kế toán, phục vụ cho việc nghiên cứu và học tập các môn thuộc chuyên ngành kế toán:</li> </ul>	3(3,0,6)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		<p>+ Bản chất, chức năng, vai trò của hạch toán kế toán; nhiệm vụ, yêu cầu, các quy định và các nguyên tắc cơ bản của hạch toán kế toán. Đối tượng nghiên cứu của kế toán; phân loại được tài sản, nguồn hình thành tài sản của đơn vị hạch toán kế toán. Trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán để nghiên cứu đối tượng của hạch toán kế toán. Sử dụng các phương pháp kế toán để thực hành ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các định khoản, vào tài khoản chữ T, lập bảng cân đối tài khoản và lập bảng cân đối kế toán.. Vận dụng kiến thức để hỗ trợ cho các học phần chuyên ngành và ứng dụng có hiệu quả vào hoạt động thực tiễn sau này.</p>		
24	Kinh tế lượng	<p>- Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế - Các nội dung chủ yếu gồm: xây dựng và ước lượng mô hình hồi qui hai biến; hồi qui bội; hồi qui với biến giả, và các vấn đề về hiệu chỉnh mô hình như đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi; tự tương quan; chọn mô hình và kiểm định việc định dạng mô hình; cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng (Eviews) và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.</p>	2(2,0,4)	
25	Lý thuyết tài chính tiền tệ	<p>- Kiến thức: Giúp cho người học có những kiến thức lý luận cơ bản về tài chính, tiền tệ, tín dụng và ngân hàng trong nền kinh tế thị trường, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc chuyên ngành quản trị kinh doanh, kế toán, tài chính. - Kỹ năng: Trang bị cho người học phương pháp cơ bản để tìm hiểu, phân tích, đánh giá các vấn đề liên quan đến tài chính, tiền tệ.</p>	2(2,0,4)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
26	Nguyên lý thống kê	<p>- Điều kiện tiên quyết: Xác suất và thống kê</p> <p>- Học phần này giới thiệu những vấn đề cơ bản về thống kê, qui trình nghiên cứu thống kê và các phương pháp thống kê sử dụng trong nghiên cứu các hiện tượng kinh tế - xã hội.</p> <p>- Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế - xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp phân tích kinh tế - xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế.</p> <p>- Trang bị cho sinh viên kiến thức thống kê tổng quát, rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan đến nghiên cứu khoa học.</p>	3(3,0,6)	
27	Luật kinh tế	<p>- Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương</p> <p>- Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng sau:</p> <p>1/ Hiểu rõ các khái niệm và lý thuyết cơ bản về Luật Cạnh tranh và vai trò của Luật Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.</p> <p>2/ Hiểu rõ các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh, nhằm phòng tránh và bảo vệ quyền lợi cho các doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh.</p> <p>3/ Hiểu rõ các hành vi cạnh tranh không lành mạnh để có thái độ thận trọng trong hoạt động kinh doanh và vận dụng được chế định này khi cần thiết</p> <p>4/ Hiểu rõ cách thức giải quyết các tranh chấp và yêu cầu phát sinh liên quan đến chống hạn chế cạnh tranh và chống cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động kinh doanh.</p>	2(2,0,4)	
28	Đạo đức KD và VHDN	- Học phần Văn hoá doanh nghiệp đạo đức kinh doanh và văn hoá doanh nghiệp nhằm giúp cho sinh viên hiểu một cách hệ thống	2(2,0,4)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		về bản chất và vai trò của đạo đức và văn hoá kinh doanh trong các doanh nghiệp hoạt động trong môi trường kinh doanh năng động. Học phần không chỉ đề cập tới những khái niệm căn bản về văn hoá và đạo đức kinh doanh mà các khái niệm này sẽ được phân tích trong mối liên hệ với các hoạt động và vấn đề quan trọng khác trong quản trị doanh nghiệp như: chiến lược, nhân lực, thương hiệu và lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Từ đó, người học có được cái nhìn tổng thể và hệ thống về văn hoá doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh.		
29	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Là học phần chuyên sâu về kiến thức, kỹ năng nghiên cứu kinh doanh trên nền tảng phương pháp luận nghiên cứu khoa học giúp sinh viên chuyên ngành quản trị kinh doanh có khả năng vận dụng vào việc học tập các môn chuyên ngành và làm công việc chuyên môn tốt hơn. Sinh viên được rèn luyện khả năng tư duy và các kỹ năng nghiên cứu cơ bản	2(2,0,4)	
<b>2.3. Kiến thức ngành, chuyên ngành QTKD</b>				
30	Quản trị học	- Môn Quản trị học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quản trị như: Tổng quan về quản trị, sự phát triển của lý thuyết quản trị, thông tin và quyết định trong quản trị, các chức năng của quản trị (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra....) làm cơ sở cho sinh viên học tập nghiên cứu những môn quản trị cụ thể của chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Đồng thời học phần này còn giới thiệu để người học làm quen với các khái niệm mới của quản trị hiện đại, lý thuyết và kinh nghiệm được vận dụng để xử lý các trường hợp quản trị điển hình.	2(2,0,4)	
31	Quản trị chiến lược	- Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản - Học phần nhằm cung cấp những kiến thức mang tính chất tổng quát giúp sinh viên hình thành cách tư duy tổng hợp về phân tích môi trường kinh doanh, các phương pháp tiếp cận để phân tích môi trường, nhằm đánh giá các điều kiện kinh	3(3,0,6)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		<p>doanh của doanh nghiệp để từ đó có đường hướng chiến lược trong việc lựa chọn mô hình kinh doanh và phương thức kinh doanh. Chủ động đưa ra những nhận định đúng đắn về thời cơ hay thách thức diễn ra trong môi trường kinh doanh, để lựa chọn các phương án chiến lược và xây dựng kế hoạch kinh doanh cho phù hợp và đưa ra các giải pháp có tính chất định hướng lâu dài cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>- Trang bị cho người học những kiến thức căn bản về quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược các mô hình quản trị chiến lược, nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp bao gồm: Hoạch định chiến lược; tổ chức thực hiện chiến lược; đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp trong điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.</p> <p>- Sau khi học, sinh viên có kỹ năng tư duy chiến lược, vận dụng xây dựng chiến lược kinh doanh và thực thi, đánh giá chiến lược trong tổ chức của mình</p>		
32	Quản trị nhân sự	<p>- Giúp sinh viên hiểu rõ vai trò then chốt của nguồn nhân lực và quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và các công cụ cần thiết về quản lý con người trong doanh nghiệp. Sinh viên hiểu được những quan điểm và xu hướng mới trong quản trị nguồn nhân lực, làm quen với các công cụ quản trị nguồn nhân lực, phát triển các kỹ năng cần thiết để vận dụng trong thực tế sau này.</p> <p>- Kết thúc môn học, sinh viên có kỹ năng thực hành và làm được một số hoạt động tác nghiệp liên quan đến nghiệp vụ quản lý nhân sự trong doanh nghiệp như thảo luận đồng lao động, tham gia dự thảo thỏa ước lao động tập thể, xây dựng kế hoạch nguồn</p>	3(3,0,6)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		nhân lực cho doanh nghiệp, kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực...		
33	Quản trị tài chính	<p>- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Luật kinh tế, Nguyên lý thống kê, Tài chính tiền tệ, Nguyên lý kế toán.</p> <p>- Học phần Quản trị tài chính bao gồm 9 chương đề cập đến những vấn đề cơ bản trong công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp như: Quản trị vốn cố định, vốn lưu động của doanh nghiệp, Chi phí, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp, Giá trị theo thời gian của tiền tệ, Nguồn tài trợ của doanh nghiệp, Cơ cấu vốn và chi phí sử dụng vốn, Đầu tư dài hạn của doanh nghiệp, Phân tích tài chính doanh nghiệp.</p>	3(3,0,6)	
34	Quản trị sản xuất	<p>- Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế</p> <p>- Mô tả đặc tính của quá trình sản xuất và tác nghiệp, xây dựng các mô hình, các phương pháp quản trị các yếu tố sản xuất như lao động, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, vốn và công nghệ, tổ chức các bộ phận sản xuất theo hướng tối ưu hóa về chi phí và thời gian...Đề đạt được mục tiêu làm thế nào chi phí bỏ ra là thấp nhất nhưng hiệu quả mang lại có thể là cao nhất.</p> <p>- Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về công tác tổ chức quá trình sản xuất trong doanh nghiệp và các công tác hoạch định như dự báo nhu cầu, hoạch định nhu cầu vật tư, hoạch định lịch trình sản xuất...nhằm đào tạo các kỹ năng quản trị tác nghiệp như điều độ sản xuất, bố trí mặt bằng...và công tác kiểm tra đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.</p> <p>- Học phần đã trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất, về cách quản lý và điều hành doanh nghiệp, hướng dẫn cho sinh viên các phương pháp phân bổ và sử dụng nhân lực, bố trí sản xuất, lập lịch trình công việc cũng như khai thác các nguồn lực để đạt được hiệu quả cao nhất cho doanh nghiệp, từ đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học vào trong công việc của mình khi ra trường.</p>	3(3,0,6)	



STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
35	Quản trị Marketing	<p>- Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản</p> <p>- Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức marketing chuyên sâu về quản trị marketing, phân tích cơ hội marketing, phát triển chiến lược marketing và quản lý, chuyên giao các chương trình marketing. Sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành thông qua quan sát, tìm hiểu một số hoạt động marketing trong thực tế cũng như thảo luận, giải quyết một vài vấn đề theo tình huống.</p> <p>- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về quản trị marketing như sau: Tổng quan về quản trị marketing; Quản trị quá trình marketing và lập kế hoạch marketing; Phân tích thị trường – khách hàng và các cơ hội marketing; Hoạch định chiến lược marketing-mix; Phân tích đối thủ cạnh tranh và chiến lược cạnh tranh; Hoạch định chiến lược tiếp thị cạnh tranh; Tổ chức thực hiện và kiểm tra marketing.</p> <p>- Học phần đã trang bị cho sinh viên năng lực tiếp cận thực tế tạo điều kiện cho sinh viên ứng dụng các kiến thức đã học để hoạch định chiến lược marketing cho sản phẩm, dịch vụ của DN.</p>	3(3,0,6)	
36	Quản trị chất lượng	<p>- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học.</p> <p>- Học phần cung cấp những kiến thức tổng quát về chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm; Các phương pháp quản lý chất lượng; Các kỹ thuật và công cụ quản lý chất lượng; Các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn; Phương pháp quản lý chất lượng toàn diện – TQM; Quản lý chất lượng trong một số loại hình doanh nghiệp; Quản lý nhà nước về chất lượng; từ đó giúp sinh viên giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế.</p>	2(2,0,4)	
37	Quản trị dự án đầu tư	<p>- Điều kiện tiên quyết : Toán kinh tế</p> <p>- Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về dự án đầu tư như tổng quan về dự án đầu tư; quá trình lập một dự án đầu tư (phân tích kỹ thuật công nghệ, phân tích tài chính, phân tích kinh tế – xã hội và môi trường của dự án đầu tư). Thẩm định một</p>	3(3,0,6)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		<p>dự án đầu tư (cơ sở pháp lý, phương pháp và kỹ thuật thẩm định). Quản lý dự án đầu tư (nội dung, phương pháp, quản lý thời gian, tiến độ, phân phối nguồn lực, quản lý chất lượng và rủi ro của dự án..</p> <p>Học phần này trang bị những kỹ thuật cơ bản để quản lý tốt tiến độ thực hiện dự án cũng như phân phối hợp lý các nguồn lực trong điều kiện hạn chế.</p>		
38	Thị trường chứng khoán	<p>- Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiên tệ</p> <p>- Giúp sinh viên lĩnh hội được các kiến thức cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>+ Tổng quan về thị trường chứng khoán</p> <p>+ Chứng khoán</p> <p>+ Thị trường chứng khoán sơ cấp</p> <p>+ Sở giao dịch chứng khoán</p> <p>+ Giao dịch chứng khoán tại sở giao dịch chứng khoán</p> <p>+ Thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC)</p> <p>+ Công ty chứng khoán</p> <p>+ Tổ chức hoạt động của quỹ đầu tư</p> <p>+ Hệ thống lưu ký, đăng ký, thanh toán bù trừ chứng khoán</p>	2(2,0,4)	
39	Thống kê doanh nghiệp	<p>- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý thống kê</p> <p>- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thống kê doanh nghiệp. Tính toán thành thạo các chỉ tiêu thống kê thông dụng trong các doanh nghiệp theo hệ thống chỉ tiêu SNA. Biết phương pháp phân tích kết quả và hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp.</p>	3(3,0,6)	
40	Kế toán tài chính	<p>- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán</p> <p>- Học phần trang bị những kiến thức và kỹ năng phục vụ cho việc nắm bắt và chỉ đạo xử lý các tình huống kế toán phát sinh trong các doanh nghiệp:</p> <p>+ Bản chất, chức năng, vai trò của kế toán tài chính trong doanh nghiệp sản xuất; Nhiệm vụ, yêu cầu, các quy định và quy trình hạch toán các phần hành kế toán cụ thể theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.</p>	3(3,0,6)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		+ Nhận định bản chất để đưa ra định hướng xử lý các nghiệp vụ kế toán cụ thể liên quan đến các phần hành kế toán trong doanh nghiệp sản xuất. Đọc và phân tích các báo cáo tài chính doanh nghiệp phục vụ cho việc ra các quyết định quản lý. Vận dụng kiến thức để hỗ trợ cho các học phần chuyên ngành quản trị kinh doanh và ứng dụng có hiệu quả vào hoạt động thực tiễn sau này.		
41	Chuyên đề thực tế	Xác định vấn đề nghiên cứu gồm tính cấp thiết, mục tiêu, đối tượng nghiên cứu. Xây dựng cơ sở lý luận về vấn đề nghiên cứu. Xác định và mô tả địa bàn nghiên cứu. Tổng hợp báo cáo và phân tích về các vấn đề kinh tế thực tế phát sinh tại các cơ sở thực tế. Đánh giá, nhìn nhận và đưa ra các giải pháp để giải quyết các vấn đề kinh tế	2(0,2,2)	
<b>Các môn tự chọn (Chọn 1 trong 3 môn)</b>				
42	Kinh tế quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô</li> <li>- Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các lý thuyết thương mại từ cổ điển đến hiện đại, trong đó có phân tích cơ sở và lợi ích của thương mại quốc tế.</li> <li>- Môn Kinh tế quốc tế trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kinh tế học quốc tế, bao gồm lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế và xuất nhập khẩu lao động, những vấn đề về liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về di chuyển các yếu tố sản xuất như vốn và lao động trên qui mô quốc tế.</li> <li>- Trên cơ sở đó sinh viên có thể vận dụng kiến thức của học phần này để tiếp tục học các học phần khác như: kinh tế đối ngoại, kinh doanh quốc tế, tài chính quốc tế, thanh toán quốc tế.</li> <li>- Sau khi học xong sinh viên có cơ sở lý luận, khoa học để hiểu, phân tích thực chất của thương mại giữa Việt Nam và các nước trên thế giới, đánh giá xu hướng thương mại quốc tế ngày nay, lợi ích của liên kết kinh tế quốc tế khu vực, toàn cầu.</li> </ul>	2(2,0,4)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
43	Quản trị thương hiệu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản</li> <li>- Học phần nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu cho sinh viên về xây dựng và phát triển thương hiệu. Nội dung chính gồm: hoạch định chiến lược xây dựng thương hiệu, hoạch định chiến lược định vị, phát triển và duy trì thương hiệu, cân đề nhượng quyền thương hiệu và định giá thương hiệu hàng hoá, vấn đề đăng ký nhãn hiệu hàng hoá trong nước và quốc tế.</li> <li>- Học phần nhằm trang bị kiến thức quan trọng của Thương hiệu trong bối cảnh hội nhập.</li> </ul>	2(2,0,4)	
44	Quản trị bán hàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học</li> <li>- Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị bán hàng trong doanh nghiệp như: Khái niệm và vai trò của Quản trị bán hàng trong doanh nghiệp; Xây dựng kế hoạch bán hàng của doanh nghiệp; Tổ chức mạng lưới bán hàng của doanh nghiệp; Tổ chức lực lượng bán hàng của doanh nghiệp; Kiểm soát bán hàng của doanh nghiệp; Các hoạt động hỗ trợ bán hàng của doanh nghiệp.</li> </ul>	2(2,0,4)	
<b>2.4. Kiến thức bổ trợ ngành</b>				
45	Quản trị Khách sạn nhà hàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức liên quan đến công tác quản trị trong một khách sạn, quy trình hoạt động của một nhà hàng; nguyên tắc xây dựng và thiết kế thực đơn; quản trị nhân lực nhà hàng; hoạt động marketing trong kinh doanh nhà hàng; kiểm soát chất lượng dịch vụ của nhà hàng.</li> <li>- Giúp sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để điều hành và quản lý hoạt động của một nhà hàng độc lập hoặc một nhà hàng trong khách sạn trong tương lai.</li> <li>- Ngoài ra học viên nắm rõ vị trí, vai trò, trách nhiệm và các kỹ năng yêu cầu công việc đối với một giám đốc khách sạn cũng như quản lý các bộ phận.</li> </ul>	3(1,2,4)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
46	Kinh tế thương mại dịch vụ	Học phần cung cấp cho sinh viên về các vấn đề kinh tế cơ bản, bản chất của kinh tế thương mại dịch vụ, các lý thuyết về lợi thế so sánh, chức năng và các tác động của thương mại, thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ, thương mại quyền sở hữu trí tuệ và thương mại liên quan đến đầu tư, nguồn lực và hiệu quả thương mại.	3(3,0,6)	
47	Toán kinh tế	- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp 2 - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của Toán kinh tế để ứng dụng trong thực tiễn cuộc sống nghề nghiệp và học tập các học phần khác như kiến thức về thuật toán đơn hình và thuật toán thế vị, bài toán đối ngẫu và thuật toán đối ngẫu, mô hình toán kinh tế, lý thuyết đồ thị và sơ đồ mạng lưới	3(3,0,6)	
48	Thuế Nhà nước	- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán - Mục tiêu của học phần này là nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về thuế và nội dung của các Luật thuế hiện hành ở Việt Nam để từ đó hiểu rõ các phương thức thu thuế hay xác định mức thuế hiện nay của nhà nước. Học phần đề cập đến việc huy động nguồn nhân lực Nhà nước thông qua thuế bao gồm thuế thu nhập, thuế tài sản, thuế tiêu dùng cũng như các khoản thu phí. Học phần chú trọng đến việc sử dụng các lý thuyết về thuế và ứng dụng để xác định đánh giá tác động của chính sách thuế - Quản lý và xác định rõ các nguồn thu, chi các cách tiếp cận với mức thuế phù hợp để có thể vận dụng linh hoạt vào thực tế kinh doanh của các doanh nghiệp.	2(2,0,4)	
49	Tin ứng dụng	- Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về hệ thống thông tin kế toán; - Sinh viên có thể nắm những nguyên lý cơ bản khi xây dựng hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp; - Sinh viên có thể nắm những nguyên lý cơ bản về việc sử dụng những phần mềm kế toán khác nhau; - Sinh viên thực hành và vận dụng được phần mềm kế toán.	3(2,1,5)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
50	Tiếng Anh CN	<p>- Điều kiện tiên quyết: Tiếng anh cơ bản 1,2</p> <p>+ củng cố kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng cơ bản mà sinh viên đã học được ở các cấp độ trước.</p> <p>+ Sinh viên sẽ được trang bị vốn kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, theo một hệ thống chủ điểm gắn liền với thực tế công việc sau này, lĩnh vực làm việc quản trị kinh doanh. Chuẩn bị cho sinh viên vào học các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh.</p>	3(3,0,6)	
	Tiếng Nhật NC	<p>- Sử dụng cách nói lịch sự.</p> <p>- Chương trình tiếng Nhật NC trang bị cho sinh viên khoảng 300 từ vựng cơ bản mức độ sơ cấp gắn với những đề tài gần gũi, thiết thực trong cuộc sống học tập và cung cấp cho sinh viên khoảng 40 mẫu ngữ pháp, 40 chữ Hán đơn giản.</p>	3(3,0,6)	
51	Phân tích hoạt động kinh doanh	<p>Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về các hoạt động của quá trình sản xuất và kinh doanh ở doanh nghiệp. Phân tích hoạt động kinh doanh chuyên sâu nghiên cứu, đánh giá toàn bộ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp căn cứ vào các tài liệu hạch toán, bằng cách phân tích tổng hợp, so sánh số liệu và phân giải mối liên hệ nhằm làm rõ chất lượng hoạt động kinh doanh, các nguồn tiềm năng cần được khai thác; trên cơ sở đó đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>Phân tích hoạt động kinh doanh không chỉ dừng lại ở việc đánh giá tính hình thực hiện thông qua các chỉ tiêu kinh tế mà còn đi sâu xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu đó.</p> <p>Trang bị những kiến thức cơ bản như: những vấn đề cơ bản của phân tích kinh tế trong doanh nghiệp; phân tích kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) của doanh nghiệp; phân tích tình hình sử dụng các yếu tố đầu vào trong hoạt động SXKD; phân tích chi phí SXKD và giá thành sản phẩm; phân tích tình hình tiêu thụ sản</p>	2(2,0,4)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		phẩm, hàng hóa và lợi nhuận của doanh nghiệp; phân tích tình hình tài chính của DN. Vận dụng kiến thức để nhận định và bước đầu xây dựng biện pháp, phương hướng xử lý các tình huống kinh tế cụ thể phát sinh trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.		
<b>Các môn tự chọn (Chọn 1 trong 3 môn)</b>				
52	Tâm lý học quản lý	- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương - Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về tâm lý quản lý như: các hiện tượng tâm lý cá nhân, tâm lý tập thể, tâm lý người lao động, tâm lý người lãnh đạo, tâm lý khách hàng, những vấn đề về giao tiếp trong hoạt động quản lý, những khía cạnh tâm lý trong công tác lãnh đạo, công tác tổ chức cán bộ. Trên cơ sở lĩnh hội những kiến thức tâm lý quản lý hình thành nên các kỹ năng của người lãnh đạo, như: kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giải quyết các vấn đề cấp bách của đơn vị..., đồng thời người học từng bước vận dụng vào hoạt động thực tiễn của bản thân	2(2,0,4)	
53	Thương mại điện tử	- ĐK tiên quyết: Marketing CB, tin ứng dụng - Có kiến thức cơ bản về thương mại điện tử: khái niệm, mô hình thương mại điện tử, các kỹ thuật ứng dụng CNTT trong TMĐT, hiểu được sự khác nhau giữa TMĐT và thương mại truyền thống, những lợi ích và rủi ro khi thực hiện TMĐT, tìm hiểu các chiến lược xây dựng TMĐT cho các mô hình tổ chức, doanh nghiệp khác nhau. Hiểu được một số quy định, pháp luật trong giao dịch điện tử và vấn đề an ninh trong giao dịch TMĐT, ...	2(2,0,4)	
54	Hệ thống thông tin quản lý	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về thông tin, thông tin kinh tế, hệ thống thông tin, hệ thống thông tin kinh tế, hệ thống thông tin quản lý. Xác định rõ khi nào cần phân tích và thiết kế một hệ thống mới. Phương pháp phân tích, thiết kế hệ thống sao cho hiệu quả. Chuẩn hóa được	2(2,0,4)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		một cơ sở dữ liệu sao cho không dư thừa dữ liệu. Xác định được hiệu quả kinh tế của HTTTQL. Tìm hiểu một số HTTT trong kinh tế và thương mại.		
<b>3. Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp</b>				
55	Thực tập cuối khóa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện tiên quyết: Được thực hiện sau khi học xong các môn chuyên ngành.</li> <li>- Học phần này sẽ giúp sinh viên kết hợp giữa lí luận và thực tiễn, thông qua thực tế hoạt động sản xuất của doanh nghiệp để nâng cao nhận thức, nâng cao năng lực tự thực hành.</li> <li>- Giúp sinh viên rèn luyện ý thức kỷ luật, tự giác, độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề cụ thể xảy ra trong các đơn vị.</li> </ul>	5(0,5,5)	
56	Làm Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học một số học phần thay thế Khóa luận)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện tiên quyết: Thực tập tốt nghiệp</li> <li>- Tạo điều kiện cho sinh viên khá giỏi và có điều kiện và cơ hội nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học. Cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp sinh viên hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài khoá luận tốt nghiệp một cách khoa học sáng tạo.</li> <li>- Rèn luyện nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập, sáng tạo. Hướng đến phát triển kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá mang tính khoa học cho sinh viên, giúp cho sinh viên hình thành phương pháp khoa học, chủ động và độc lập trong nghiên cứu, phát huy sở trường của mình trong công việc</li> </ul> </li> </ul>	7(0,7,7)	
<b>Học phần thay thế Khóa luận</b>				
56a	Quản trị Kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện tiên quyết: Quản trị sản xuất, Quản trị marketing</li> <li>- Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về các hoạt động quản trị kinh doanh, mối quan hệ với các chức năng quản trị khác, các nhân tố ảnh hưởng đến lựa chọn quá trình sản xuất kinh doanh; Các quy luật, nguyên tắc và</li> </ul>	3(3,0,6)	



STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		phương pháp quản trị kinh doanh; Tổ chức và quản lý các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp; Kế hoạch hóa trong doanh nghiệp; từ đó giúp sinh viên hướng giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế.		
56b	Quản trị sản xuất nâng cao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện tiên quyết: Quản trị sản xuất</li> <li>- Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về các hoạt động quản trị sản xuất, mối quan hệ với các chức năng quản trị khác, các nhân tố ảnh hưởng đến lựa chọn quá trình sản xuất. Đánh giá phương án định vị doanh nghiệp, phân tích lựa chọn công suất, sử dụng kinh nghiệm trong quyết định công suất và xác định các chiến lược trong hoạch định tổng hợp cũng như chi phí một dự án sản xuất. Kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện dự án; từ đó giúp sinh viên hướng giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế.</li> </ul>	2(2,0,4)	
56c	Khởi sự Kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học gần hết các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành.</li> <li>- Nội dung học phần này đề cập đến những kiến thức cơ bản liên quan đến doanh nghiệp, cách hình thành ý tưởng, đánh giá ý tưởng kinh doanh, cách soạn thảo kế hoạch kinh doanh và cách triển khai hoạt động kinh doanh.</li> </ul>	2(2,0,4)	

## 9. Tiến trình đào tạo

TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP								
ĐỐI TƯỢNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY (ÁP DỤNG ĐỐI VỚI KHÓA 9 TRỞ ĐI)								
		Môi trường CN (2,2,0)	LTSX TKê (3,3,0)	NL thống kê (3,3,0)	Thống kê DN (3,3,0)		Thực tập TN (5,0,5)	
	Toán CC (3,3,0)			Toán KTế (3,3,0)	Kinh tế lượng (2,2,0)	Quản trị SX (3,3,0)		
			KT vĩ mô (3,3,0)			Quản trị DADT (3,3,0)	Khóa luận TN (7,0,7)	
	Tâm lý học ĐC (2,2,0)	KT vĩ mô (3,3,0)	Quản trị học (2,2,0)		Quản trị NS (3,3,0)	Quản trị khách sạn nhà hàng		
			Mar CB (3,3,0)			Quản trị CLược (3,3,0)		
	Pháp luật ĐC (2,2,0)		Luật KT (2,2,0)	Thuế NN (2,2,0)	Quản trị TC (3,3,0)	Quản trị Mar (3,3,0)		
		LTTCTT (2,2,0)				Thị trường CK (2,2,0)		
				Nguyên lý KT (3,3,0)	Kế toán TC (3,3,0)	Phân tích HĐKD (2,2,0)		
	Triết học Mác-Lênin (3,3,0)	Kinh tế CT Mác-Lênin (2,2,0)	Lịch sử ĐCSVN (2,2,0)		Kinh tế TMDV (3,3,0)	Chuyên đề thực tế (2,0,2)		
		CNXHKH (2,2,0)	Tư tưởng HCM (2,2,0)		ĐĐKD&VHDN (2,2,0)	Quản trị Chất lượng (2,2,0)	PP nghiên cứu trong KD (2,2,0)	
	Ngoại ngữ 1 (3,3,0)	Ngoại ngữ 2 (4,4,0)		Ngoại ngữ chuyên ngành (3,3,0)				
	Tin học ĐC (3,2,1)			Tin học ƯD (3,2,1)				
GDP (8,5,3)	GDC1 (1,0,1)	GDC2 (1,0,1)	GDC3 (1,0,1)					
	Học phần Ngoại ngữ 1 Sinh viên chọn 1/2 môn + Tiếng Anh CB1 + Tiếng Nhật CB1	Học phần Ngoại ngữ 2 Sinh viên chọn 1/2 môn + Tiếng Anh CB2 + Tiếng Nhật CB2		Học phần ngoại ngữ chuyên ngành Sinh viên chọn 1/2 môn + Tiếng Anh CN + Tiếng Nhật nâng cao HP tự chọn (Chọn 1/ 2 môn) + Soạn thảo VB (2,2,0) + Kỹ năng GT trong KD (2,2,0)		HP tự chọn (Chọn 1/3 môn) + KTế quốc tế (2,2,0) + QT thương hiệu (2,2,0) + QT bán hàng (2,2,0)	HP tự chọn (Chọn 1/3 môn) + Tâm lý học QL (2,2,0) + Thương mại ĐT (2,2,0) + Hệ thống TT quản lý (2,2,0)	
<b>Tổng: 127</b>	<b>HK1: 16TC</b>	<b>HK2: 15TC</b>	<b>HK3: 17TC</b>	<b>HK4: 16TC</b>	<b>K5: 19TC</b>	<b>HK6: 17TC</b>	<b>HK7: 15TC</b>	<b>HK8: 12TC</b>

Sinh viên không  
làm khóa luận TN  
Lựa chọn thêm 3  
HP chuyên môn  
(7,7,0)  
+ QT Kinh doanh  
(3,3,0)  
+ QTSX nâng cao  
(2,2,0)  
+ Khởi sự KD  
(2,2,0)

## 10. Hướng dẫn thực hiện:

10.1. Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo, được bổ sung các môn bổ trợ và tự chọn chuyên ngành.

10.2. Chương trình được thiết kế theo thời gian đào tạo 4 năm, trong đó học 7 học kỳ, 1 học kỳ thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp. Thời gian học tập trong khóa được tính theo tuần, thời gian dạy lý thuyết và thực hành các học phần được tính theo tín chỉ.

10.3. Các học phần thuộc nhóm kiến thức giáo dục đại cương là các học phần bắt buộc với các chuyên ngành đào tạo. Các nội dung của học phần này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo.

10.4. Tuân thủ lộ trình các học phần, các chương trình học phần cơ sở, cơ bản khác, cũng như các học phần chuyên ngành thực hiện theo kế hoạch xây dựng của các khoa, thông qua Hội đồng khoa học nhà trường.

Học phần được tiến hành theo đề cương học phần đã được phê duyệt và phải cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy và được lưu tại nhà trường.


Thời gian học phần được bố trí hợp lý theo trình tự thời gian hoàn thành quy trình một cách khoa học của Phòng Đào tạo, Ban Giám hiệu.

Tất cả các học phần đều được tổ chức thi và kiểm tra tương ứng với kế hoạch học. Đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Quy chế đào tạo thực hiện theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Quyết định số 337/QĐ-ĐHTB ngày 15 tháng 7 năm 2019 của trường Đại học Thái Bình ban hành “Quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Thái Bình”.

10.5. Phòng Đào tạo theo dõi các khoa, Bộ môn và các phòng ban trong trường thực hiện hoạt động dạy và học, nghiên cứu và đề xuất điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tế.

HIỆU TRƯỞNG  
  
*TS. Nguyễn Thị Kim Lý*

PHÒNG ĐÀO TẠO  
  
 PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐÀO TẠO  
*Hoàng Thị Thu Hiền*

KHOA  
  
 Phạm Thị Ánh Nguyệt